

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2022**

#### **I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

##### **1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) năm 2022. Trọng tâm là:

- Ban hành các kế hoạch và văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC: Kế hoạch CCHC<sup>1</sup>, Kế hoạch Kiểm soát TTHC<sup>2</sup>; Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa<sup>3</sup>; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2022 - 2025<sup>4</sup>; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Thanh Hóa<sup>5</sup>; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh<sup>6</sup>; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh<sup>7</sup>; Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI<sup>8</sup>...

- Thành lập Ban Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa<sup>9</sup>; Ban Xúc tiến Đầu tư đặc biệt<sup>10</sup>; triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022<sup>11</sup>.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thực hiện

<sup>1</sup> Quyết định 5347/QĐ-UBND ngày 24/12/2021;

<sup>2</sup> Quyết định 5274 /QĐ-UBND ngày 21/12/2021;

<sup>3</sup> Kế hoạch 53/KH-UBND ngày 03/3/2022;

<sup>4</sup> Quyết định 587/QĐ-UBND ngày 10/2/2022;

<sup>5</sup> Kế hoạch 55/KH-UBND ngày 03/3/2022;

<sup>6</sup> Kế hoạch 26/KH-UBND ngày 28/1/2022;

<sup>7</sup> Kế hoạch 46/KH-UBND ngày 01/3/2022;

<sup>8</sup> Kế hoạch 211/KH-UBND ngày 29/8/2022;

<sup>9</sup> Quyết định 5552/QĐ-UBND ngày 31/12/2021;

<sup>10</sup> Quyết định 5516/QĐ-UBND ngày 30/12/2021;

<sup>11</sup> Kế hoạch 19/KH-UBND ngày 26/1/2022;

có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa<sup>12</sup>.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa<sup>13</sup>; triển khai thực hiện Đề án “nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”<sup>14</sup>, “Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2030”<sup>15</sup>.

Trên cơ sở đó, Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Thanh Hóa<sup>16</sup>, các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được triển khai<sup>17</sup>; nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Thanh Hoá đang trong quá trình tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu<sup>18</sup>; các ứng dụng về chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc.

Quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa được đẩy mạnh, luôn lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi<sup>19</sup>.

- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC), thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa<sup>20</sup>. Tăng cường tuyên truyền TTHC, mở rộng triển khai phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời

<sup>12</sup> Quyết định 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022;

<sup>13</sup> Quyết định 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021;

<sup>14</sup> Kế hoạch 53/KH-UBND ngày 03/3/2022;

<sup>15</sup> Quyết định 580/QĐ-UBND ngày 10/02/2022;

<sup>16</sup> Kế hoạch 192/KH-UBND ngày 10/8/2022;

<sup>17</sup> Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 25/4/2022;

<sup>18</sup> Kế hoạch 96/KH-UBND ngày 31/3/2022;

<sup>19</sup> Kế hoạch 97/KH-UBND ngày 05/4/2022.

<sup>20</sup> Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa ngày 05/5/2022;

phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC).

- Trên cơ sở kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về giám sát việc thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2018 - 2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp khắc phục tồn tại, hạn chế mà các đoàn giám sát đã nêu<sup>21</sup>.

Các cấp, các ngành căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Theo đó, 100% các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2022, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế sau giám sát của Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương.

## **2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính**

Công tác kiểm tra, giám sát về CCHC trên địa bàn tỉnh được các ngành, các cấp triển khai thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đề ra. Ngay từ đầu năm, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp tham gia cùng các Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát “Việc cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021” đối với 21 đơn vị (trong đó có 9 sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, 03 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn và 9 đơn vị cấp huyện)<sup>22</sup>.

Với chức năng cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính, Sở Nội vụ đã ban hành kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022<sup>23</sup>. Theo đó, 9 tháng đầu năm, Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh kiểm tra 3 đơn vị cấp huyện và 8 đơn vị cấp xã<sup>24</sup>.

Trên cơ sở Kế hoạch, Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND các cấp đã chủ động ban hành kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính, việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Kết quả kiểm tra cho thấy: hầu hết các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai và thực hiện nghiêm túc công tác cải cách hành chính; đặc biệt là việc thực hiện

<sup>21</sup> Công văn số 12748/UBND-THKH ngày 29/8/2022;

<sup>22</sup> Kế hoạch số 79/KH-HĐND ngày 25/02/2022 của Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa: thực hiện giám sát 21 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm PV HCC tỉnh; các sở: Tư pháp, Tài chính, Công Thương, TNMT, KHĐT, Xây dựng, Ban QLKK Nghi Sơn; Cục Hải quan, Cục thuế, Kho bạc NN; UBND: thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn, TX Nghi Sơn, Quảng Xương, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Thạch Thành, Thọ Xuân, Như Thanh.

<sup>23</sup> Kế hoạch số 102/KH-SNV và kế hoạch số 103/KH-SNV ngày 18/02/2022;

<sup>24</sup> Đơn vị kiểm tra trong 6 tháng đầu năm: Hà Trung (Hà Sơn, Hà Đông), Nga Sơn (Nga Thạch, Nga Trung, Nga Văn); Hậu Lộc (thị trấn Hậu Lộc, Hưng Lộc, Hòa Lộc);

giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân và doanh nghiệp; nâng cao tỷ lệ thực hiện giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; khắc phục tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn. Những tồn tại phát hiện qua kiểm tra đã được các đoàn kiểm tra thông báo đến các cơ quan, đơn vị để khắc phục kịp thời.

### **3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, nhiều đơn vị, địa phương thực hiện lồng ghép tuyên truyền CCHC gắn với tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Nội dung tuyên truyền tập trung vào những vấn đề có tính thời sự như giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; thanh toán trực tuyến; hóa đơn điện tử. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho tổ chức, công dân giải quyết TTHC được đẩy mạnh với nhiều cách thức như hỗ trợ trực tiếp tại nơi công dân làm thủ tục hành chính, qua số tổng đài, qua mạng xã hội zalo; một số đơn vị ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC (Sở Công Thương, Sở GDĐT, Sở GTVT, Ngọc Lặc, Quan Hóa), kế hoạch tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật về CCHC (Đông Sơn)...

Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa, Đài Truyền thanh cấp huyện thường xuyên viết bài và đưa nhiều tin, bài về CCHC; Trang thông tin điện tử cải cách hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.thanhhoa.gov.vn> đăng tải 80 tin bài; các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đăng tải tin, bài về CCHC trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

### **4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2022**

- Số nhiệm vụ được giao trong 9 tháng đầu năm: 38 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 38 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ;

### **5. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC**

Đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, các ngành, các cấp đã tham mưu cho UBND tỉnh nhiều sáng kiến, giải pháp trong CCHC; tổ chức thực hiện, nhân rộng các mô hình, sáng kiến CCHC tại đơn vị, địa phương, điển hình:

- Ngày 30/12/2021 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư đặc biệt tỉnh Thanh Hóa. Ban giúp UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch về xúc tiến và hỗ trợ đầu tư của tỉnh; thiết lập hệ thống cung cấp thông tin về xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp; kiểm tra, đôn đốc và xử lý kịp thời những vướng mắc về trình tự, thủ tục đầu tư; tiếp nhận và xử lý thủ tục đầu tư; thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho nhà đầu tư, các doanh nghiệp; giải quyết những vấn đề khó - mới - lớn trong đầu tư; thu hút các dự án đầu tư lớn. Từ

đó hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp trong suốt quá trình đầu tư (trước, trong và sau quá trình đầu tư); rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án, mang lại hiệu quả cao.

- Ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 20/3/2022 triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số”. Đến nay, công tác chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và trong đời sống xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Các cấp, các ngành đã ứng dụng linh hoạt nền tảng số vào hoạt động của ngành, cụ thể: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Mobifone triển khai cung cấp thông tin về văn hóa, lịch sử, di tích danh lam thắng cảnh trên các nền tảng công nghệ số; xây dựng Cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động...

- Thực hiện đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp huyện trên địa bàn tỉnh (Sở KHĐT phối hợp với VCCI Thanh Hóa thực hiện).

- Nhằm tiếp tục đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu quả, chất lượng của cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Thanh Hóa đã triển khai thí điểm mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” tại một số đơn vị cấp xã.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch sáp nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.

- UBND huyện Thọ Xuân đã đưa vào thực hiện mô hình “Ngày không hẹn, Ngày không viết” tại một số xã trên địa bàn huyện; UBND huyện Đông Sơn thực hiện mô hình “Lễ tân hành chính” “Giờ làm việc thứ 9”. Với những sáng kiến, giải pháp mới, các cấp ủy, chính quyền các địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã tạo nên sự thay đổi rõ nét cả về “lượng” và “chất” trong giải quyết công việc hành chính và mang lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- Công tác xây dựng pháp luật tiếp tục được các sở, ngành, địa phương quan tâm, tham mưu chỉ đạo thực hiện. Trong kì báo cáo, UBND tỉnh ban hành 65 văn bản QPPL tập trung vào các lĩnh vực: xây dựng; đất đai; phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và biên chế; chính sách thu hút bác sĩ trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tỉnh Thanh Hóa; quy chế quản lý cụm công nghiệp; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh... Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng theo quy định, chất lượng

được nâng cao. Sau khi ban hành, 100% văn bản đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

Sở Tư pháp đã thẩm định và tham gia ý kiến đối với 24 dự thảo văn bản của Trung ương; thẩm định 189 dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; tham gia ý kiến đối với 631 dự thảo văn bản của HĐND, UBND tỉnh và các sở, ngành; thẩm định 52 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất<sup>25</sup>.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được các sở, ngành, địa phương thực hiện thường xuyên theo kế hoạch hoặc theo chuyên đề. Theo đó, Sở Tư pháp đã tổ chức kiểm tra văn bản QPPL tại 04 đơn vị (Lang Chánh, Quan Sơn, Hoàng Hóa và Thiệu Hóa); phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tự kiểm tra 2.365 văn bản do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (trong đó có 55 văn bản QPPL, 2.301 văn bản khác).

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai thống nhất, hiệu quả trên tinh thần kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022<sup>26</sup>. Trong 09 tháng đầu năm, Sở Tư pháp đã phối hợp với Ban dân tộc, Hội Nông dân tỉnh tổ chức 08 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân vùng đồng bào dân tộc; phối hợp với UBND các huyện: Quan Hóa, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc tổ chức 03 hội nghị cho 450 đối tượng là cán bộ và người dân tại các xã Phú Nghiêm huyện Quan Hóa; xã Minh Sơn huyện Ngọc Lặc; xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; phối hợp với UBND các huyện: Như Xuân, Triệu Sơn, Thạch Thành, Lang Chánh và thành phố Sầm Sơn tổ chức 05 hội nghị tập huấn nghiệp vụ và kiến thức pháp luật về hòa giải ở cơ sở cho 1.500 người; tổ chức 02 hội nghị cụm tại huyện Hậu Lộc và huyện Quan Hóa hướng dẫn nghiệp vụ về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho gần 600 đại biểu là lãnh đạo UBND các xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch và công chức Văn phòng - Thống kê.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính**

Trong 9 tháng đầu năm 2022, các sở, ngành, địa phương đã tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp, chú trọng đẩy mạnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử; thường xuyên rà soát, cập nhật TTHC sửa đổi, bổ sung và ban hành mới vào Cơ sở dữ

<sup>25</sup> (01 hồ sơ cưỡng chế các trường hợp vi phạm về đất đai tại Nông trường Thạch Quảng, huyện Thạch Thành; 07 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Hải Hòa; 11 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án cụm công nghiệp Điền Trung, huyện Bá Thước; 21 hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án thành phần trên tuyến cao tốc Bắc - Nam; 12 bộ hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án: Tuyến hành lang cấp nước thải, nước làm mát và băng tải than thuộc dự án nhà máy nhiệt điện Công Thanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn và dự án: Kè chống sạt lở và nạo vét tiêu thoát lũ Khu kinh tế trọng điểm Nghi Sơn.

<sup>26</sup> Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 24/02/2022

liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Theo đó:

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 46 quyết định công bố danh mục TTHC (14 TTHC đơn giản hóa, 575 thủ tục mới ban hành, 108 thủ tục bãi bỏ). Tích hợp và nhập dữ liệu 589 TTHC, không công khai 108 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Đến tháng 9/2022, tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận 1.010 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân qua hệ thống phanhoi.thanhhoa.gov.vn và qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Sau khi tiếp nhận, 100% phản ánh, kiến nghị được các cơ quan, đơn vị xử lý và báo cáo; công khai kết quả đúng thời gian quy định.

- Thực hiện rà soát, đánh giá 14 TTHC của 06 sở, ban, ngành cấp tỉnh<sup>27</sup> theo Kế hoạch số 5274/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

## 2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- Thực hiện Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu đổi mới là đẩy mạnh việc giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước hình thành công dân số, doanh nghiệp số phục vụ thực hiện thắng lợi các mục tiêu xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương đang tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi quản lý; thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã<sup>28</sup> và 100% TTHC, nhóm TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp.

- Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2022 với 120 dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4<sup>29</sup>; tất cả dịch vụ công đã được nhập đường link trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, được công khai và kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh. Duy trì và thực hiện 743 dịch vụ công mức độ 4 và 167 dịch vụ công mức độ 3; 1.632 TTHC thực hiện giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp; 482 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

- Tính đến ngày 12/9/2022, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công và bộ phận một cửa các cấp là: 1.141.965 hồ sơ. Trong đó: Tiếp

<sup>27</sup> 06 sở, ban, ngành cấp tỉnh: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo;

<sup>28</sup> Tính đến 12/9/2022, toàn tỉnh có 2.116 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 1.527; cấp huyện 339; cấp xã 250 (số liệu trên cổng dịch vụ công quốc gia);

<sup>29</sup> Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 30/5/2022;

nhận trực tuyến là: 828.407; tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: 32.930 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: 280.628 hồ sơ (đạt tỷ lệ 87,34%). Số hồ sơ đã giải quyết là 1.109.917 hồ sơ.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

- Triển khai kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tại các sở, ngành, địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý (thay thế Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND)<sup>30</sup>; phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025<sup>31</sup>; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và 02 trường<sup>32</sup>.

- Sở Nội vụ tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố<sup>33</sup>. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu, tổ chức, bộ máy của các cơ quan, đơn vị: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Nhà xuất bản Thanh Hoá; Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa..; thành lập, hợp nhất, đổi tên các hội; sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1, số 2 và Ban Giải phóng mặt bằng và tái định cư trực thuộc UBND thành phố Thanh Hóa; sáp nhập Phòng Công chứng số 3 vào Phòng Công chứng số 1 và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Công chứng số 1, trực thuộc Sở Tư pháp<sup>34</sup>....

- Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa<sup>35</sup>.

- Thực hiện quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp: năm 2022, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giao là 3.698 biên chế, có mặt tại thời điểm báo cáo là 3.573

<sup>30</sup> Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022;

<sup>31</sup> Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 22/11/2021;

<sup>32</sup> 14 đơn vị cấp sở: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ; 02 đơn vị cấp trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa và Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

<sup>33</sup> Tờ trình số 274/TTr-SNV ngày 27/5/2022.

<sup>34</sup> Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 05/09/2022;

<sup>35</sup> Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 16/3/2022



biên chế. Số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao là: 59.748 người, có mặt tại thời điểm báo cáo là 58.335 người<sup>36</sup>. 100% các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quản lý, sử dụng biên chế đúng quy định được giao.

- Việc thực hiện phân cấp quản lý nhà nước và kiểm tra đối với các nhiệm vụ được phân cấp được Sở Nội vụ, các ngành, các cấp triển khai thực hiện thường xuyên, gắn với các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Theo đó, 9 tháng đầu năm, Sở Nội vụ thanh tra 05 đơn vị; Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra theo chuyên ngành 12 đơn vị.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Sở Nội vụ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; đồng thời bãi bỏ các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, công chức, viên chức không còn phù hợp, như:

(1) Quyết định số 1725/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (2) Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận cán bộ, công chức, tuyển dụng công chức đối với các trường hợp đặc biệt và xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa; (3) Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; (4) Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; (5) Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>37</sup>.

- Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư<sup>38</sup> cho 112 người<sup>39</sup>. Tiếp tục giải quyết hỗ trợ kinh phí trợ cấp một lần đối với Công an xã nghỉ việc theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ; Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã nghỉ việc theo Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016.

<sup>36</sup> Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 10/12/2021;

<sup>37</sup> Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh.

<sup>38</sup> Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

<sup>39</sup> (Trong đó có: 06 Phó Giáo sư; 13 Tiến sĩ; 09 Bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa cấp II; 84 thạc sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật y, y tế cộng đồng chuyên khoa cấp I).

- Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức tại 38 đơn vị; công nhận kết quả trúng tuyển cho 1.126 viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh<sup>40</sup>; tiếp nhận 90 công chức vào làm việc tại các cơ quan nhà nước. Phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 với 473 người<sup>41</sup>.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Thanh Hóa năm 2022<sup>42</sup> và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”<sup>43</sup>. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Giáo dục quốc tế - Trường ĐH Hồng Đức tổ chức lớp 03 bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; 01 lớp tiếng Anh giao tiếp cho CBCC cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh.

## 5. Cải cách tài chính công

- Các sở, ngành, địa phương đang tích cực rà soát, đánh giá và quản lý chặt chẽ nhằm sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công theo đúng quy định của pháp luật.

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư trực tiếp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025<sup>44</sup>; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022<sup>45</sup>. Triển khai dán thẻ định danh đối với xe ô tô để sử dụng dịch vụ thu phí giao thông đường bộ theo hình thức điện tử không dừng<sup>46</sup>. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số năm 2022<sup>47</sup>. Giao thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh Thanh Hóa năm 2022<sup>48</sup> và kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa<sup>49</sup>.

<sup>40</sup> (trong đó: ngành y tế 281 người, giáo dục 592 người, ngành khác 253 người).

<sup>41</sup> (khối Đảng, Đoàn thể, Tổ chức xã hội: 4 người; khối hành chính: 261 người; khối sự nghiệp: 208 người).

<sup>42</sup> Kế hoạch 55/KH-UBND ngày 03/3/2022;

<sup>43</sup> Kế hoạch 50/KH-UBND ngày 02/3/2022;

<sup>44</sup> Quyết định 371/QĐ-UBND ngày 21/1/2022;

<sup>45</sup> Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 21/1/2022;

<sup>46</sup> Công văn 2462/UBND-CN ngày 24/02/2022;

<sup>47</sup> Quyết định 2727/QĐ-UBND ngày 11/8/2022;

<sup>48</sup> Quyết định 184/QĐ-UBND ngày 11/01/2022;

<sup>49</sup> Quyết định 746/QĐ-UBND ngày 28/02/2022;

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019 - 2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa<sup>50</sup>; Kế hoạch kiểm tra tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp...

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

- Trong 9 tháng đầu năm 2022, các sở, ngành tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để triển khai thực hiện việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0 đã được phê duyệt<sup>51</sup>; tích cực triển khai thực hiện việc sử dụng văn bản điện tử; phát huy hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh tại 600 điểm cầu<sup>52</sup>; 18 phòng họp không giấy tờ của các đơn vị (sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, 15 đơn vị cấp huyện) đã đi vào hoạt động, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, tạo môi trường hội họp hiện đại, tổ chức các cuộc họp nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học.

- Trục tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia, phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã. Ngoài ra, hệ thống LGSP đảm bảo kết nối, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh (09 phần mềm triển khai trong tỉnh; 17 dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được kết nối qua LGSP).

- Công Dịch vụ công tỉnh được tích hợp với Công dịch vụ công Quốc gia cùng với triển khai tích hợp các hệ thống thanh toán trực tuyến (VNPT Pay, PayGov công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh. Công DVC trực tuyến của tỉnh cung cấp 910 TTHC mức độ 3, mức độ 4 (167 dịch vụ công mức độ 3 và 743 dịch vụ công mức độ 4).

- Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về an ninh, an toàn thông tin mạng; đảm bảo cho việc duy trì, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định.

<sup>50</sup> Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

<sup>51</sup> Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020;

<sup>52</sup> (31 điểm cầu tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; 10 điểm cầu của khối các cơ quan Đảng; 559 điểm cầu UBND cấp xã);

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được sử dụng tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tích hợp chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và đang thí điểm ký số trên thiết bị di động. Tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt 99,8% (trừ các văn bản mật theo quy định); 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã triển khai, ứng dụng phần mềm QLVB&HSVC.

- Các ngành đã triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực chuyên ngành để phục vụ công tác quản lý và điều hành (*Ngành giao thông vận tải với phần mềm quản lý hệ thống cầu đường, quản lý tài sản hạ tầng giao thông...; ngành Tư pháp thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch, dự kiến cuối năm 2022, số hóa toàn bộ dữ liệu hộ tịch tại các huyện: Quảng Xương, Thọ Xuân và Bá Thước; ngành Tài nguyên và môi trường thực hiện nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường... Cục thuế Thanh Hóa đã triển khai hóa đơn điện tử cho 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn*) và có sự phối hợp, liên kết, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (*Hiện nay, Cục thuế Thanh Hóa đang thực hiện kết nối chia sẻ dữ liệu với Ngành giao thông vận tải dữ liệu về quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình xe để phục vụ công tác quản lý thuế trên địa bàn*).

- Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính: triển khai Kế hoạch số 5249/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa, năm 2022; Hướng dẫn thực hiện chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước năm 2022. Đến nay, có 530 cơ quan hành chính nhà nước áp dụng và công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001. Trong đó, có 35 cơ quan cấp sở, ban, ngành, Chi cục trực thuộc Sở; 27 UBND cấp huyện; 01 đơn vị sự nghiệp công lập và 467/559 UBND cấp xã là đối tượng khuyến khích áp dụng.

### **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

1. Các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022, xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 trên cơ sở bám sát các chủ trương của Đảng và quy định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về từng nội dung, lĩnh vực cải cách hành chính.

2. Tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của các ngành, các cấp; nâng cao hơn nữa hiệu quả cung cấp dịch công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và hoàn thành việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; triển khai Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Chính phủ.

3. Khẩn trương rà soát, hoàn thành các nhiệm vụ về sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thuộc theo Đề án của UBND tỉnh đã phê duyệt và chỉ đạo của Chính phủ.

4. Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập được kiện toàn, sắp xếp từ năm 2019 và rà soát các đơn vị sự nghiệp chưa kiện toàn, sắp xếp.

5. Triển khai có hiệu quả Đề án chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng đề án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phòng họp trực tuyến đồng bộ. Triển khai phần mềm đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ; ứng dụng triển khai thực hiện đánh giá chỉ số cải cách hành chính trên phần mềm đến UBND cấp xã.

6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức; việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thi**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA**

**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	41	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	54	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	38	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	03	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	3	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	3	
4.	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b> <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra		5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra		5	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	78	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	35	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	<b>1</b>	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	2000	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>53</sup> do địa phương ban hành</b>	Văn bản	<b>65</b>	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	65	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	172	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	08	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	08	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	341	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	65,85	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	41	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	27	

<sup>53</sup> Văn bản quy phạm pháp luật.



**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	14	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	575	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	108	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.116	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1.527</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>339</i>	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>250</i>	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1.632	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	482	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,09	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>441.311</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>432.871</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết	%	98,03	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	đúng hạn			
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	58.938	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	57.778	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,65	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	556.974	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	555.015	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	99,31	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	1.010	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	1.003	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	128	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	16	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	227	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1985	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	239	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.698	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.573	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	305	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	551	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	15,2	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	59.748	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	58.335	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1.096	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,1	

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	48	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.989	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	90	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1.126	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	-	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	<b>54.23</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	10.630.268	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	576.435	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương</b> <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	268	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	3	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	23	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	213	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>39</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>32</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>142</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2.014	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
4.	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Địa chỉ: <a href="https://lgsp.thanhhoa.gov.vn">https://lgsp.thanhhoa.gov.vn</a>
5.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	99,3	Số lượng 707613/710135 vb gửi đi

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,36	Số lượng 138857/138294 vb gửi đi
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	99,17	Số lượng 256719/257838 vb gửi đi
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99,57	Số lượng 312307/312546 vb gửi đi
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	167	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	167	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	78	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	743	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	743	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	216	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Công DVC quốc gia	%	92,86	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	910	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	845	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	87,34	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	280.628	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	245.100	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	348	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	348	